

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRI TÔN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 26 - 5 - 2022
“V/v tranh chấp hôn nhân và
gia đình, ly hôn, nuôi con
chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Chế Thị Hồng Cẩm
2. Bà Trần Thị Ngọc Phượng

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Khoa Trung, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Châu Pholy - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 12/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2022 về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2022/QĐ-TA ngày 19 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

1 Nguyên đơn: Ông Võ Văn L, sinh năm 1977; địa chỉ: khóm X, thị trấn Y, huyện Z, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1978; địa chỉ: khóm X, thị trấn Y, huyện Z, tỉnh An Giang.

Ông L vắng mặt và có yêu cầu xét xử vắng mặt; bà Th vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 14-01-2022 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Võ Văn L trình bày:

- Về hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị Th chung sống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Ba Chúc, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang vào ngày 30/10/2006. Quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn nên đã không còn sống chung từ năm 2009 cho đến nay. Ông L yêu cầu ly hôn với bà Th.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Võ Tấn Phát, sinh ngày 01/7/2006, đang sống với ông L. Ông yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Phát, không yêu cầu bà Th cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bà Th đến Tòa án để ghi nhận ý kiến và hòa giải nhưng bà Th không đến và không cung cấp lời khai, tài liệu, chứng cứ nào cho Tòa án nên không tiến hành hòa giải được.

Theo Biên bản xác minh ngày 29-3-2022, đại diện Ban khóm An Hòa A, thị trấn Ba Chúc cho biết: Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1978 có đăng ký thường trú tại tổ 8, khóm An Hòa A, thị trấn Ba Chúc, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang, bà Th đã không còn sinh sống tại địa phương cách nay khoảng 10 năm, không rõ đi đâu, nhưng bà Th vẫn thường xuyên về địa phương thăm người thân. Về mâu thuẫn giữa ông L và bà Th thì địa phương không rõ do ông L và bà Th không ở địa phương nhiều năm.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 29-3-2022, bà Nguyễn Thị Hận là chị bà Th, cho biết: Bà Th và ông L kết hôn từ khoảng năm 2006, sau khi kết hôn thì chung sống tại nhà cha mẹ ruột bà Th thuộc tổ 8, khóm An Hòa A, thị trấn Ba Chúc, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang. Giữa ông L và bà Th có 01 con chung tên Võ Tuấn Phát, sinh năm 2006. Cách đây khoảng 10 năm, không biết giữa bà Th và ông L có phát sinh mâu thuẫn gì mà ông L dẫn con trai bỏ đi, bà Th cũng bỏ đi đến tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu sinh sống cho đến nay. Giữa ông L và bà Th không sống chung với nhau khoảng 10 năm. Tuy bà Th đã đến nơi khác sinh sống nhưng vẫn thường xuyên về địa phương thăm người thân, vẫn thường xuyên gọi điện thoại về hỏi thăm cha mẹ. Bà nhận trách nhiệm nhận thay văn bản của Tòa án cho bà Th.

Theo Tờ tường trình ngày 19/5/2022, cháu Võ Tấn Phát trình bày: Cháu là con của ông L và bà Th. Cha mẹ cháu không còn sống chung khi cháu 03 tuổi, cháu ở với cha từ khi đó cho đến nay. Cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống với cha.

Tại phiên tòa,

Ông L vắng mặt và có yêu cầu xét xử vắng mặt, bà Th được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

Thay mặt Hội đồng xét xử, Thẩm phán công bố toàn bộ tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

- Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 35, Điều 68, Điều 97, Điều 98, Điều 101, Điều 104 BLTTDS; Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án; Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình tại Điều 71 BLTTDS, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ những vẫn cố tình vắng mặt là vi phạm Điều 72 BLTTDS.

Về giải quyết vụ án: Qua thời gian tìm hiểu nhau giữa ông Võ Văn L và bà Nguyễn Thị Th được một thời gian rồi tiến hôn nhân và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Ba Chúc, huyện Tri Tôn vào ngày 30/10/2006 nên được xem là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Căn cứ biên bản xác minh ngày 29/3/2022 vợ chồng không còn chung sống với nhau nữa khoảng 10 năm nay. Về con chung: có 01 con chung Võ Tuấn Phát, sn: 01/7/2006 hiện đang sống với ông L và từ khi ly thân đến nay cháu Phát đều sống với ông L để đảm bảo điều kiện sinh sống, không làm thay đổi môi trường sống nên giao cháu Phát cho ông L tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp, bà Th không phải cấp dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Từ nhận định trên, đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa và có yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông L và bà Th.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] *Về hôn nhân:*

Ông L và bà Th tự nguyện tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn ngày 30/6/2006 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Ba Chúc, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang. Đây là hôn nhân hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. 2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các

hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác”. Tuy nhiên, căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, biên bản xác minh tại ban khóm An Hòa A, thị trấn Ba Chúc, huyện Tri Tôn, và biên bản ghi lời khai bà Hận cùng ngày 29/3/2022, có cơ sở xác định: Giữa ông L và bà Th đã không còn chung sống với nhau khoảng 10 năm nay nên giữa vợ chồng không có điều kiện chăm sóc, quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ nhau, thực hiện các công việc trong gia đình. Mặt khác, bà Th đã được Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt. Dù đề thấy, bà Th biết việc ông L yêu cầu ly hôn nhưng bà không tận dụng các điều kiện để hàn gắn tình cảm với ông L. Nên, lời khai của ông L cho rằng đời sống vợ chồng không hạnh phúc, không hàn gắn được tình cảm là có cơ sở.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L về việc yêu cầu ly hôn với bà Th theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2] *Về con chung*: Cháu Võ Tấn Phát xác định đang sống cùng với ông L, có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với ông L. Nhận thấy, cần đáp ứng nguyện vọng của con chung và đảm bảo môi trường sống, học tập ổn định cho cháu nên chấp nhận yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung của ông L. Ông L không yêu cầu bà Th cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét, giải quyết.

Ông L cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở bà Th trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[3] *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Ông L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm. Bà Th không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227, Điều 228; khoản 4 Điều 147, Điều 273 và Điều 278 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn L.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Võ Văn L được ly hôn với bà Nguyễn Thị Th.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 287, ngày đăng ký kết hôn: 30 tháng 10 năm 2006, của Ủy ban nhân dân thị trấn Ba Chúc, huyện Tri Tôn không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Ông Võ Văn L được trực tiếp nuôi con chung tên nuôi dạy con chung tên Võ Tấn Phát, sinh ngày 01/7/2006. Bà Nguyễn Thị Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông L cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở bà Th trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Ông Võ Văn L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0008121 ngày 17 tháng 01 năm 2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tri Tôn.

Bà Nguyễn Thị Th không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Ông Võ Văn L và bà Nguyễn Thị Th có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án tổng đạt đúng quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát ND H Tri Tôn (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục Thi hành án dân sự H. Tri Tôn (1);
- Các đương sự;
- UBND cấp xã nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Tâm